

Số: 2109/QĐ-ĐHNL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thí sinh được miễn thi môn Cơ bản và môn Cơ sở
trong kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ, đợt 1 năm 2026

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2026 TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ
quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục
đại học;

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu
trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế
tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1945/QĐ-ĐHNL ngày 19 tháng 05 năm 2026 của Hiệu
trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Tiểu ban
chuyên môn xét tuyển ứng viên trình độ thạc sĩ, đợt 1 năm 2026;

Theo đề nghị của ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh trình độ thạc sĩ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 127 thí sinh được miễn thi môn Cơ bản và môn Cơ sở trong kỳ
thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ, đợt 1 năm 2026 của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố
Hồ Chí Minh.

(Danh sách miễn thi kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Thí sinh được miễn thi tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy
định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí
Minh trong kỳ thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ.

Điều 3. Thành viên Hội đồng tuyển sinh, Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng
các đơn vị, cá nhân có liên quan và thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC MIỄN THI MÔN CƠ BẢN VÀ MÔN CƠ SỞ
KỲ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, ĐỢT 1 NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 2109 /QĐ-ĐHNL ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển
1	Lê Thái	An	18/09/2003	Bảo vệ thực vật
2	Nguyễn Phúc Duy	An	19/12/2003	Bảo vệ thực vật
3	Phan Minh	Chí	09/03/2003	Bảo vệ thực vật
4	Vũ Minh	Chiến	13/12/2003	Bảo vệ thực vật
5	Mai Tấn Thành	Đạt	27/10/2000	Bảo vệ thực vật
6	Nguyễn Tiến	Đạt	13/09/1990	Bảo vệ thực vật
7	Trần Công	Đức	25/07/2000	Bảo vệ thực vật
8	Đào Điền	Khang	30/07/2001	Bảo vệ thực vật
9	Trần Phước	Sang	12/08/2000	Bảo vệ thực vật
10	Kiều Thị	Hạnh	20/05/1991	Chăn nuôi
11	Lương Thị Thùy	Thương	27/06/1998	Chăn nuôi
12	Trần Thanh	Tòng	23/10/1999	Chăn nuôi
13	Trần Ngọc Bảo	Châu	29/08/2003	Công nghệ sinh học
14	Vũ Trung	Hiếu	20/03/2001	Công nghệ sinh học
15	Nguyễn Văn	Hùng	24/01/1994	Công nghệ sinh học
16	Nguyễn Huỳnh	Lê	21/09/2001	Công nghệ sinh học
17	Nguyễn Ngọc	Nhi	20/09/2003	Công nghệ sinh học
18	Ngô Thị	Sinh	13/08/1997	Công nghệ sinh học
19	Đỗ Tấn	Thành	10/04/2003	Công nghệ sinh học
20	Nguyễn Ngọc Hưng	Thịnh	15/02/2002	Công nghệ sinh học
21	Đặng Thị Yên	Thu	18/01/2000	Công nghệ sinh học
22	Lê Huỳnh	Trân	27/05/2001	Công nghệ sinh học
23	Lê Thị Thùy	Trang	26/10/2003	Công nghệ sinh học
24	Nguyễn Thị Thùy	Trang	12/09/2000	Công nghệ sinh học
25	Lê Thị	An	05/03/1978	Công nghệ thực phẩm
26	Nguyễn Đăng	Linh	15/08/2002	Khoa học cây trồng
27	Nguyễn Hoàng	Nam	19/11/1999	Khoa học cây trồng
28	Mai Tấn	Năng	14/04/1986	Khoa học cây trồng
29	Lê Thị Hồng	Ngọc	27/11/1987	Khoa học cây trồng
30	Nguyễn Mỹ	Phương	18/11/2001	Khoa học cây trồng
31	Nguyễn Hoàng	Tấn	28/08/2002	Khoa học cây trồng
32	Huỳnh Đoàn Phúc	Thiện	18/05/2002	Khoa học cây trồng
33	Nguyễn Trung	Thịnh	31/03/2003	Khoa học cây trồng

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển
34	Nguyễn Hòa	Thuận	02/11/1989	Khoa học cây trồng
35	Ngô Công	Châu	18/07/1977	Lâm học
36	Hoàng Đức	Chinh	15/10/1992	Lâm học
37	Nguyễn Quốc	Cường	18/12/1979	Lâm học
38	Nguyễn Văn	Cường	15/06/1995	Lâm học
39	Trần Văn	Đô	25/05/1995	Lâm học
40	Ngô Lê Minh	Hải	06/02/1990	Lâm học
41	Lương Công	Minh	25/11/1982	Lâm học
42	Đặng Thị Giang	My	05/09/1994	Lâm học
43	Võ Ngọc Phương	Nam	06/10/1996	Lâm học
44	Nguyễn Thị Kim	Ngân	27/12/2003	Lâm học
45	Trần Thiện	Nhân	01/06/2000	Lâm học
46	Nguyễn Phước Quý	Nhật	17/01/1993	Lâm học
47	Huỳnh Tấn	Phi	13/09/1991	Lâm học
48	Hoàng Trung	Phong	17/05/1998	Lâm học
49	Vương Quốc	Thái	09/08/1996	Lâm học
50	Nguyễn Phước	Thế	01/06/1985	Lâm học
51	Hà Quang	Trung	03/10/1980	Lâm học
52	Trần Ngọc Trường	An	08/07/1997	Nuôi trồng thủy sản
53	Nguyễn Lam Kim	Như	27/02/2003	Nuôi trồng thủy sản
54	Hồ Hồng	Nhung	01/06/1992	Nuôi trồng thủy sản
55	Nguyễn Trần Nhật	Thiện	28/10/2002	Nuôi trồng thủy sản
56	Phạm Võ Quốc	Thới	12/10/2002	Nuôi trồng thủy sản
57	Đặng Ngọc Minh	Thư	20/10/2000	Nuôi trồng thủy sản
58	Nguyễn Huỳnh	Anh	01/07/2002	Quản lý tài nguyên và môi trường
59	Bùi Tấn	Đạt	01/01/1994	Quản lý tài nguyên và môi trường
60	Nguyễn Quang	Nam	10/09/1979	Quản lý tài nguyên và môi trường
61	Trần Thị Xuân	Nhi	08/04/2003	Quản lý tài nguyên và môi trường
62	Hoàng Minh	Phượng	26/05/1984	Quản lý tài nguyên và môi trường
63	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/11/2003	Quản lý tài nguyên và môi trường
64	Lý Thị Thùy	Duyên	15/03/2001	Quản lý đất đai
65	Huỳnh Lê Minh	Hạnh	20/04/2003	Quản lý đất đai
66	Lê Đại Anh	Hào	01/01/1992	Quản lý đất đai
67	Phan Thanh	Hiền	06/02/2003	Quản lý đất đai
68	Trần Minh	Hoang	06/04/1983	Quản lý đất đai
69	Hồ Quang	Huy	17/09/2003	Quản lý đất đai
70	Trần Thị Hà	Lam	25/06/2003	Quản lý đất đai
71	Huỳnh Thị Bảo	Linh	12/10/2003	Quản lý đất đai
72	Đặng Hải	Long	15/11/2003	Quản lý đất đai
73	Nguyễn Quỳnh	Mai	07/03/2000	Quản lý đất đai
74	Nguyễn Thị	Nguyệt	25/08/2002	Quản lý đất đai

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển
75	Nguyễn Thanh	Phát	28/09/2003	Quản lý đất đai
76	Bùi Thị Mai	Phương	09/08/2003	Quản lý đất đai
77	Huỳnh Văn	Quý	10/04/1991	Quản lý đất đai
78	Điền Thanh	Sang	27/03/2003	Quản lý đất đai
79	Dương Văn	Siêm	13/09/1987	Quản lý đất đai
80	Bùi Thị	Tâm	30/09/1992	Quản lý đất đai
81	Nguyễn Tấn	Thành	21/04/2003	Quản lý đất đai
82	Tổng Minh	Trung	28/05/2003	Quản lý đất đai
83	Trần Quốc	Tuấn	15/12/1993	Quản lý đất đai
84	Ngô Thị Ngọc	Ý	20/03/1995	Quản lý đất đai
85	Nguyễn Đức	Ảnh	24/08/1993	Quản lý kinh tế
86	Trần Gia	Bảo	09/09/2003	Quản lý kinh tế
87	Đặng Thị Ngọc	Linh	09/04/2003	Quản lý kinh tế
88	Nguyễn Thị Phương	Linh	08/05/2002	Quản lý kinh tế
89	Nguyễn Hà	Nhi	09/07/1999	Quản lý kinh tế
90	Phan Thảo	Quyên	27/08/2003	Quản lý kinh tế
91	Đình Quốc	Tài	17/12/2000	Quản lý kinh tế
92	Lê Nguyễn Thủy	Tiên	09/09/2002	Quản lý kinh tế
93	La Đặng Kim	Tuyển	20/04/2003	Quản lý kinh tế
94	Hồ Nguyễn Thanh	Tuyền	19/03/2003	Quản lý kinh tế
95	Đình Nhật	Vũ	03/07/2002	Quản lý kinh tế
96	Nguyễn Thị	Vy	22/09/2001	Quản lý kinh tế
97	Trần Thị Huỳnh	Anh	10/01/2002	Thú y
98	Phạm Linh	Chi	15/02/1999	Thú y
99	Bạch Đức	Chiến	12/10/2001	Thú y
100	Lê Chánh Thái	Dương	02/07/1991	Thú y
101	Ngô Võ Kỳ	Duyên	10/05/2001	Thú y
102	Nguyễn Hà Xuân	Hương	05/02/1995	Thú y
103	Hà Thanh	Huy	26/02/1981	Thú y
104	Phạm Hoàng	Kha	10/03/2000	Thú y
105	Phạm Ngọc Minh	Khuê	23/02/2001	Thú y
106	Lê Thanh	Khuong	05/10/1995	Thú y
107	Vy Văn	Khuong	14/07/1988	Thú y
108	Tạ Lê Ngân	Kim	28/11/1983	Thú y
109	Huỳnh Phạm Trần	Lâm	22/01/1995	Thú y
110	Nguyễn Thị Bích	Liều	07/11/1988	Thú y
111	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	24/10/2002	Thú y
112	Nguyễn Võ Trọng	Phú	13/01/1998	Thú y
113	Phạm Quang	Quy	20/11/2001	Thú y
114	Hoàng Nguyễn Minh	Tài	11/11/1997	Thú y
115	Huỳnh Ngọc	Thạch	19/06/1999	Thú y

STT	Họ	Tên	Ngày sinh	Ngành dự tuyển
116	Lê Thị Thạch	Thảo	05/01/1986	Thú y
117	Lý Như	Thế	07/10/2000	Thú y
118	Mai Hoàng	Thiện	22/06/1995	Thú y
119	Tô Nguyễn Kim	Thoa	05/04/1987	Thú y
120	Bùi Nguyễn Anh	Thư	08/06/2001	Thú y
121	Lê Đức	Thừa	05/04/1983	Thú y
122	Lê Ngọc	Trân	06/02/1992	Thú y
123	Nguyễn Thị Tú	Trinh	12/08/2003	Thú y
124	Trần Thị Lan	Trinh	22/01/2000	Thú y
125	Nguyễn Trần Tùng	Vy	29/04/2001	Thú y
126	Lê Thị Hải	Yến	10/12/2000	Thú y
127	Nguyễn Hồng	Yến	22/01/1993	Thú y

(Tổng danh sách có 127 thí sinh)

Ghi chú: Danh mục môn Cơ sở và môn Cơ bản

Chuyên ngành tuyển sinh	Môn Cơ bản	Môn Cơ sở
Công nghệ sinh học	Xác suất thống kê	Sinh học phân tử
Thú y	Xác suất thống kê	Sinh lý gia súc
Chăn nuôi	Xác suất thống kê	Sinh lý gia súc
Quản lý kinh tế	Xác suất thống kê	Kinh tế học
Công nghệ thực phẩm	Xác suất thống kê	Hóa sinh thực phẩm
Nuôi trồng thủy sản	Xác suất thống kê	Sinh lý sinh thái cá
Quản lý tài nguyên và môi trường	Xác suất thống kê	Khoa học môi trường
Quản lý đất đai	Xác suất thống kê	Quản lý hành chính về đất đai
Bảo vệ thực vật	Xác suất thống kê	Sinh lý thực vật
Khoa học Cây trồng	Xác suất thống kê	Sinh lý thực vật
Lâm học	Xác suất thống kê	Sinh lý thực vật

Thư

